

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/DS-ST

Ngày: 31/5/2023.

Về việc: “T/c về Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Huy Hùng;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Kiều;

2. Ông Nguyễn Hoàng Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Anh - Kiểm sát viên.

Vào ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 189/2022/TLST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2022, về việc “*Tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2023/QĐXXST-DS ngày 28/3/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Dương Văn Th, sinh năm 1971;

Nơi cư trú: Tổ 20, ấp HL, xã VL, huyện CT, An Giang.

2. Bị đơn:

2. 1. Anh Nguyễn TT, sinh năm 1984;

2. 2. Chị Bùi Thị Nh, sinh năm 1984;

Nơi cư trú: Tổ 20, ấp HL, xã VL, huyện CT, An Giang.

(vắng mặt bị đơn vợ chồng anh Nguyễn TT, chị Bùi Thị Nh; Đã tổng đạt hợp lệ)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Văn Th và lời khai tại phiên tòa có nội dung như sau: Do có quan hệ bà con họ hàng nên vào ngày 16/9/2021; vợ chồng anh Nguyễn TT, chị Bùi Thị Nh có thỏa thuận vay của của ông Dương Văn Th số tiền là 100.000.000 đồng, lãi suất tự thỏa thuận và có làm

biên nhận nợ ngày 10/8/2021 (âm lịch), thỏa thuận là khi nào cần vốn sẽ thông báo thu hồi vốn, lãi. Tuy nhiên, sau đó có Thông báo đến vợ chồng anh T, chị Nh yêu cầu thanh toán vốn, lãi thì chị Bùi Thị Nh có giao chiếc xe hiệu VISON để bán trừ bớt số nợ 20.000.000đ, vừa qua đã trả thêm 5.000.000đ nên số tiền còn lại 75.000.000đ cho đến nay vợ chồng không thanh toán.

Nay ông Dương Văn Th yêu cầu vợ chồng anh Nguyễn TT, chị Bùi Thị Nh liên đới trả số tiền vay còn lại là 75.000.000đ, đồng thời yêu cầu tính lãi suất phát sinh theo quy định pháp luật kể từ ngày 16/9/2021 cho đến nay. Tại phiên tòa, ông Dương Văn Th thừa nhận vợ chồng anh T, chị Nh có đóng lãi được 4.000.000đ và chấp nhận cho bị đơn trả dần mỗi tháng 5.000.000đ.

** Theo bản khai của bị đơn anh Nguyễn TT có nội dung:* Anh và chị Bùi Thị Nh là vợ chồng, sống chung từ năm 2009, có đăng ký kết hôn và có 02 con chung. Tuy nhiên, khoảng gần một năm nay chị Nh bỏ đi đâu thì anh T không biết, nghe nói nợ nần nhiều người. Đối với số nợ của ông Dương Văn Th theo biên nhận ngày 10/8/2021 với số tiền 100.000.000đ, anh hoàn toàn không biết và không ký tên, hằng ngày anh đi dạy và chị Nh làm y tế học đường, thời gian qua vợ anh có buôn bán thuốc tây tại nhà nhưng việc kinh doanh của chị Nh thì anh hoàn toàn không tham gia.

Nay ông Dương Văn Th yêu cầu vợ chồng anh liên đới trả số nợ còn lại tổng cộng là 75.000.000đ thì anh Nguyễn TT không đồng ý. Nếu chấp nhận cho trả dần mỗi tháng 1.000.000đ thì anh sẽ đứng ra trả nợ thay cho chị Nh, không đồng ý trả lãi suất; anh sẵn sàng chấp nhận cho giám định chữ ký, chữ viết của anh với chữ ký, chữ viết trong biên nhận nợ ngày 10/8/2021. Tại phiên tòa, anh Nguyễn TT vắng mặt không lý do.

Quan điểm của Viện kiểm sát về quá trình tố tụng của vụ kiện: Việc Tòa án tiến hành thụ lý giải quyết là đúng theo trình tự thủ tục và thẩm quyền; Trong quá trình tiến hành tố tụng thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Các đương sự trong vụ án cũng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Trong quá trình thu thập chứng cứ thể hiện chị Bùi Thị Nh có nợ tiền nguyên đơn nhưng đến nay không chứng minh được đã thanh toán xong nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc chị Bùi Thị Nh trả số nợ còn lại theo yêu cầu; đối với yêu cầu buộc anh Nguyễn TT liên đới trách nhiệm trả nợ cùng chị Nh là không có căn cứ nên đề nghị không chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn; đồng thời, buộc bị đơn chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện và được thẩm tra tại phiên tòa, qua tranh luận công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận xét như sau:

[1] *Về tố tụng:*

Đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản, căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa, bị đơn là anh Nguyễn TT, chị Bùi Thị Nh đều vắng mặt không lý do lần thứ hai, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa.

Về nội dung:

[2] Theo tờ biên nhận tiền ghi ngày 10/8/2021 có nội dung: “Chị Bùi Thị Nh sinh năm 1984, ngụ Tổ 20, ấp HL, xã VL, huyện CT, An Giang và chồng là ông Nguyễn TT sinh năm 1984. Nay tôi có mượn ông Dương Văn Th là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), lãi suất thỏa thuận. Tôi hứa là sẽ hoàn trả lãi vốn đầy đủ, đồng thời có chữ ký và họ tên của Bùi Thị Nh, Nguyễn TT”. Theo nguyên đơn thì khi giao tiền chị Bùi Thị Nh có làm biên nhận nhưng không có mặt của anh Nguyễn TT, từ khi nhận tiền cho đến nay có đóng lãi được 4.000.000đ, đối với phần vốn chỉ giao chiếc xe bán trừ số vốn 20 triệu, gần ngày Tết vừa qua có trả thêm 5.000.000đ nên yêu cầu vợ chồng anh T, chị Nh trả số nợ 75.000.000đ còn lại và rút lại yêu cầu phần 25.000.000đ đã trả.

[3] Trong quá trình thu thập chứng cứ, hòa giải thì phía bị đơn chị Bùi Thị Nh đã không hợp tác; Trong khi đó, theo nội dung biên nhận nợ thì chị Bùi Thị Nh là người trực tiếp vay và nhận tiền là 100.000.000đ, trong quá trình thu thập chứng cứ và hòa giải thì chị Nh đã không cung cấp được bất kỳ chứng cứ nào khách quan rằng đã thanh toán xong số nợ đã vay, trong khi đó nguyên đơn chỉ thừa nhận có khấu trừ giá trị chiếc xe VISON là 20.000.000đ và 5.000.000đ đã nhận. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì yêu cầu của nguyên đơn ông Dương Văn Th là có cơ sở và phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc chị Bùi Thị Nh phải trả số tiền 75.000.000đ cho nguyên đơn.

[4] Phía nguyên đơn ông Dương Văn Th cho rằng số nợ tiền vay theo biên nhận có chữ ký của anh Nguyễn TT là chồng của chị Bùi Thị Nh nên yêu cầu liên đới trách nhiệm trả nợ. Xét thấy, tại buổi hòa giải thể hiện: Anh Nguyễn TT không thừa nhận chữ ký và chữ viết trong biên nhận nợ ngày 10/8/2021 là của mình, đồng thời không thừa nhận toàn bộ số nợ mà nguyên đơn yêu cầu. Trong khi đó, ông Dương Văn Th chấp nhận lời trình bày của anh Nguyễn TT và không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết nhưng cho rằng: Hiện tại anh T, chị Nh là vợ chồng nên phải có nghĩa vụ liên đới trả số nợ. Theo khoản 1 Điều 30 Luật Hôn nhân gia đình 2014 quy định: “Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình” và tại khoản 1 Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình 2014 quy định: “Nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại mà theo quy định của pháp luật vợ chồng cùng phải chịu trách nhiệm”. Trong trường hợp này, số tiền vay rất lớn nhưng phía nguyên đơn không chứng minh được số tiền cho chị Bùi Thị Nh vay nhằm mục đích phục vụ nhu cầu thiết yếu trong gia

đình; mặc khác, rõ ràng giao dịch dân sự này cũng không có sự ký kết của anh Nguyễn TT, đây là số tiền rất lớn nhưng phía nguyên đơn không chứng minh được khi giao dịch có mặt đầy đủ vợ chồng nên theo yêu cầu của ông Dương Văn Th buộc anh Nguyễn TT có trách nhiệm liên đới trả số nợ này là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[5] Ngoài ra, phía nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi suất phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 16/9/2021. Theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 quy định: “Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ” và theo quy định tại khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: “Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý và được trả lãi đến thời điểm nhận lại tài sản, còn bên vay cũng có quyền trả lại tài sản bất cứ lúc nào và chỉ phải trả lãi cho đến thời điểm trả nợ, nhưng cũng phải báo trước cho bên cho vay một thời gian hợp lý”. Theo nội dung biên nhận các bên có thỏa thuận lãi suất nhưng không xác định rõ mức lãi suất cụ thể; Ngoài ra, phía nguyên đơn cung cấp được Thông báo ngày 01/11/2021, thể hiện nội dung: “Yêu cầu vợ chồng anh Nguyễn TT, chị Bùi Thị Nh phải trả số nợ 100.000.000đ trong thời hạn 01 tháng, nếu không thực hiện thì sẽ chịu lãi suất theo quy định pháp luật”, đồng thời ông Dương Văn Th cung cấp được chứng cứ gửi văn bản cho bị đơn qua đường Bưu điện, trong khi đó suốt thời gian Tòa án thụ lý vụ án thì anh Nguyễn TT thừa nhận rằng chị Bùi Thị Nh thiếu nợ nhiều người và đã lánh mặt khỏi địa phương, bản thân anh và gia đình cũng không liên lạc được. Như vậy, theo yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải chịu lãi suất theo quy định pháp luật là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận và được tính toán cụ thể như sau:

Vốn vay 75.000.000đ tính từ ngày 02/12/2021 (sau ngày thông báo 01 tháng) đến nay xét xử làm tròn 17 tháng, lãi suất 10%/năm (tức 0,83%/tháng):

$$75.000.000\text{đ} \times 0,83\% \times 17 \text{ tháng} = 10.582.500\text{đ};$$

$$\text{Vốn, lãi tổng cộng: } 75.000.000\text{đ} + 10.582.500\text{đ} = 85.582.500\text{đ}.$$

Do ông Dương Văn Th thừa nhận có nhận 4.000.000đ tiền lãi do bị đơn đã đóng nên cần phải xem xét khấu trừ lại, cụ thể:

$$85.582.500\text{đ} - 4.000.000\text{đ} = 81.582.500\text{đ}.$$

Như vậy, cần buộc chị Bùi Thị Nh có trách nhiệm trả vốn, lãi như trên cho nguyên đơn là phù hợp. Riêng việc ông Dương Văn Th thừa nhận rằng chị Bùi Thị Nh có giao chiếc xe hiệu VISON để khấu trừ số nợ 20 triệu đồng, đây là sự thỏa thuận giữa các bên và không có sự chứng kiến của Tòa án nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, nếu có tranh chấp sẽ giải quyết trong một vụ án khác. Ngoài ra, việc nguyên đơn đồng ý cho bị đơn trả dần mỗi tháng

5.000.000đ, tuy nhiên trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa chị Bùi Thị Nh không có mặt nên xem như không có sự thống nhất của các bên. Vì vậy, Hội đồng xét xử buộc chị bị đơn trả số nợ nêu trên, riêng thời gian và cách thức trả sẽ do các bên tự thỏa thuận giai đoạn thi hành án.

[6] *Về án phí, lệ phí sơ thẩm*: Do chị Bùi Thị Nh bị buộc trả nợ cho ông Dương Văn Th nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 91, Điều 147, Điều 179, khoản 2 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 và khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự 2015; khoản 1 Điều 30 và khoản 1 Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình 2014; khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Dương Văn Th. Buộc chị Bùi Thị Nh trả cho ông Dương Văn Th số tiền vay vốn, lãi tổng cộng là 81.582.500đ (Tám mươi một triệu năm trăm tám mươi hai ngàn năm trăm đồng).

- Đình chỉ yêu cầu của ông Dương Văn Th rút lại một phần nội dung khởi kiện là buộc bị đơn trả lại 25.000.000đ và lãi suất.

- Bác yêu cầu của ông Dương Văn Th buộc anh Nguyễn TT có trách nhiệm liên đới với chị Bùi Thị Nh trả số vốn vay 75.000.000đ và lãi suất theo quy định pháp luật.

- Về án phí, lệ phí sơ thẩm:

+ Chị Bùi Thị Nh phải chịu 4.279.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Dương Văn Th không phải chịu án phí nên được hoàn lại 2.500.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003985 ngày 16/11/2022 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, An Giang.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành

án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt tham dự phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; riêng bị đơn anh Nguyễn TT, chị Bùi Thị Nh có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND H. Châu Thành (1);
- Chi cục THADS H. Châu Thành (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu văn phòng (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hồ Hoàng Huy Hùng